

Số: /KH-SGDĐT

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH Chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 26/3/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Bám sát phương châm hành động năm 2026 của tỉnh: “Hành động đột phá, lan tỏa kết quả”, đẩy mạnh chuyển đổi số liên thông, đồng bộ trong toàn ngành giáo dục.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn ngành Giáo dục, tạo nền tảng cho đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo hướng hiện đại, linh hoạt, công bằng và hội nhập quốc tế.

- Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh, đặc biệt chú trọng việc ứng dụng công nghệ mới (Trí tuệ nhân tạo - AI) vào quản trị, giảng dạy và học tập.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý dữ liệu ngành, kết nối liên thông với CSDL quốc gia về dân cư (Đề án 06) và CSDL của Bộ GDĐT, đảm bảo dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống"

- Tập trung xây dựng hạ tầng số đồng bộ, bảo đảm an toàn thông tin; hoàn thiện các nền tảng và dịch vụ số phục vụ dạy học và quản trị giáo dục, bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả và thuận lợi cho người học, nhà trường và xã hội.

- Tăng cường cải cách hành chính, triển khai dịch vụ công trực tuyến, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, góp phần xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, truyền thông

- 100% cơ sở giáo dục ban hành kế hoạch chuyển đổi số và triển khai hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia và phong trào “Bình dân học vụ số” năm 2026, gắn với nhiệm vụ trọng tâm của năm học.

- 100% trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh kết nối liên thông với cổng thông tin điện tử Sở GDĐT, có chuyên trang,

chuyên mục và duy trì cập nhật thường xuyên tin, bài tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, Đề án 06.

2.2. Về hạ tầng số

- 100% đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan Sở GDĐT được cấp và sử dụng thường xuyên, miễn phí chữ ký số chuyên dùng công vụ.

- Tỷ lệ đội ngũ nhà giáo các trường phổ thông công lập được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%.

2.3. Về phát triển nguồn lực số

- 100% cán bộ, công chức tại Sở GDĐT được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản
- Trên 90% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành làm chủ được kỹ năng số ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành.

- 100% đội ngũ nhà giáo và tối thiểu 65% học sinh phổ thông được tập huấn kỹ năng cơ bản về dạy – học trên nền tảng số. Phấn đấu tối thiểu 20% cán bộ, giáo viên ứng dụng AI vào việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.

2.4. Về phát triển dữ liệu số

- 100% cơ sở giáo dục triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục phổ thông trong tỉnh triển khai xây dựng học liệu số theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Tỷ lệ học liệu trong chương trình giáo dục phổ thông được số hóa đạt tối thiểu 15%, phấn đấu đạt tới 50%.

- 100% dữ liệu văn bằng chứng chỉ, bằng tốt nghiệp THPT từ sổ gốc từ năm 1985 đến nay được số hóa.

- 100% học sinh tại các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên được cấp phát và sử dụng Học bạ số.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công của Sở GDĐT: Đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa của Sở GDĐT: Đạt tối thiểu 95%.

2.5. Về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số

- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh: Đạt 100%.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh được thực hiện trực tuyến: Đạt 100%.

- Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”: Đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện: Đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến: Đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử: Đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh của ngành giáo dục: Đạt tối thiểu 80%
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công: Đạt 83%.
- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong việc thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công: Đạt 95%.
- Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử: Đạt tối thiểu 70%.
- Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử: Đạt 100%.
- Tỷ lệ chế độ báo cáo của sở được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo: Đạt 100%
- 100% cơ sở giáo dục triển khai các phần mềm, ứng dụng công nghệ số phục vụ công tác quản lý, quản trị và tổ chức dạy học.
- 100% các cơ sở giáo dục công lập triển khai các khoản thu không dùng tiền mặt.

2.6. Về an toàn thông tin mạng

- Tỷ lệ các hệ thống thông tin được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ: Đạt 100%.
- Thực hiện triển khai giải pháp phòng chống vi rút, mã độc quản lý, giám sát tập trung tại cơ quan Sở GDĐT: Đạt 100%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, xây dựng thể chế; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Phát huy vai trò dẫn dắt của Ban Chỉ đạo và tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.
- Xây dựng, ban hành và công khai các văn bản, Kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị. Kế hoạch cần thể hiện mục tiêu, nhiệm vụ, chi tiết với các mốc thời gian, kết quả đầu ra định lượng và gắn với trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức để cải thiện công tác chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và trong quản trị, phù hợp với quy định hiện hành, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và khả năng của đơn vị.
- Triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số và tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển

đổi số theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT¹ và của Sở GDĐT, đảm bảo đạt mức độ chuyển đổi số tối thiểu ở mức độ 2 theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đột xuất và định kỳ để chấn chỉnh kỷ cương, nâng cao hiệu quả thực thi các kế hoạch chuyển đổi số tại đơn vị.

2. Nâng cao nhận thức, truyền thông và phát triển nhân lực số

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và đội ngũ nhà giáo về vai trò và kết quả của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn.

- Yêu cầu 100% các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh có chuyên trang, chuyên mục và duy trì cập nhật thường xuyên tin, bài tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, Đề án 06 trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang/cổng thông tin điện tử, các nền tảng xã hội của đơn vị.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia vào ngày 10 tháng 10, triển khai sâu rộng phong trào "Bình dân học vụ số" và "Học tập số" tại các cơ sở giáo dục trong toàn ngành. Thực hiện thông tin tuyên truyền sâu rộng về dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng số đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, học sinh tại đơn vị; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cơ bản cho người thân, người dân và các nhóm yếu thế tại cộng đồng.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI), an toàn, an ninh mạng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; đào tạo kỹ năng số, tư duy lập trình và văn hóa an toàn mạng trong chương trình giáo dục phổ thông các cấp cho học sinh, sinh viên nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu và kỹ năng ứng dụng công nghệ mới vào quản trị, giảng dạy và học tập.

- Triển khai tổ chức cuộc thi, hội thi về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành giáo dục để khuyến khích phong trào thi đua, nhân rộng các mô hình xuất sắc. Tổ chức các hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình, điển hình thành công về chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh theo các tiêu chí trong Khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên đối với từng khối lớp theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

3. Phát triển dữ liệu số

- Xây dựng kho học liệu số: Triển khai xây dựng Kho học liệu số dùng

¹ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 về ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non.

chung toàn ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình, bao gồm bài giảng e-learning, video, ngân hàng câu hỏi, phục vụ các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Số hóa văn bản: Thực hiện số hoá dữ liệu văn bản chứng chỉ, bằng tốt nghiệp THPT được cấp từ năm 1985 đến nay để phục vụ tra cứu và cấp bản sao trực tuyến.

- Nâng cấp CSDL ngành: Nâng cấp, mở rộng, tích hợp, di chuyển dữ liệu từ các hệ thống cũ vào hệ thống quản lý dữ liệu ngành Giáo dục tỉnh Ninh Bình, tích hợp 100% dữ liệu về trường, lớp, học sinh, nhân sự, tài chính và cơ sở vật chất..., chú trọng công tác làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống".

4. Phát triển ứng dụng số phục vụ quản lý và dạy học

- Tiếp tục triển khai các phần mềm phục vụ công tác quản lý, tổ chức dạy, học, hỗ trợ kiểm tra, đánh giá tại đơn vị, phần mềm có khả năng kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu được với các hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu dữ liệu, bảo vệ an toàn thông tin cá nhân.

- Triển khai Học bạ số: Áp dụng toàn diện Học bạ số thay thế học bạ giấy tại các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, áp dụng chữ ký số cá nhân cho giáo viên và ban giám hiệu.

- Triển khai Phần mềm tuyển sinh và quản lý các kỳ thi (kể cả kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh) nhằm số hóa hoàn toàn quy trình nộp hồ sơ, xét tuyển trực tuyến, đảm bảo công bằng, minh bạch.

5. Đảm bảo điều kiện về hạ tầng số, an toàn thông tin mạng

- Đối chiếu với các quy định về mức độ chuyên đổi số của các cơ sở giáo dục, đơn vị kiểm tra, rà soát, đánh giá hiện trạng, đề xuất nhu cầu các điều kiện hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT, các hệ thống thông tin, phần mềm, nhân lực, kinh phí... để triển khai hiệu quả công tác công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác quản trị, quản lý điều hành và tổ chức dạy, học tại đơn vị, báo cáo về cơ quan quản lý trực tiếp.

- Thực hiện rà soát, đăng ký chứng thư chữ ký số cho đội ngũ cán bộ, quản lý, giáo viên tại các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên phục vụ công việc.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật và ban hành các quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng, phân công cụ thể trách nhiệm (giao trách nhiệm cụ thể các phòng/ tổ/ bộ phận/ cá nhân) về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu, đảm bảo tính đồng bộ, tuân thủ các quy định nhà nước về an ninh mạng, thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu và các quy định pháp luật khác đối với các hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, các phần mềm, ứng dụng đang triển khai tại đơn vị như: các hệ thống mạng; hệ thống camera giám sát, các phòng học và trang

thiết bị về CNTT; trang thông tin điện tử; hệ thống quản lý văn bản điều hành; phần mềm dạy học trực tuyến; phần mềm quản lý, quản trị nhà trường; phần mềm học bạ số; các hệ thống cơ sở dữ liệu và các hệ thống phần mềm khác.

- Rà soát công tác bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống và triển khai áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm thuộc phạm vi quản lý; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, nâng cấp hệ thống nhằm kịp thời phát hiện và khắc phục các lỗ hổng về kỹ thuật, tránh nguy cơ không bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống dẫn tới lộ, mất dữ liệu cá nhân. Đối với các đơn vị sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp trong việc duy trì, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm cần thực hiện rà soát nhằm bảo đảm nguyên tắc dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị phải thuộc quyền quản lý, kiểm soát của đơn vị; không để doanh nghiệp tiếp cận dữ liệu (trong đó có dữ liệu cá nhân) khi chưa có sự cho phép của đơn vị quản lý.

- Đối với việc quản lý, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm trong đơn vị: Quy định rõ trách nhiệm về bảo vệ tài khoản, an toàn thông tin mạng, quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân; đặc biệt quan tâm tới quản lý tài khoản truy cập: không dùng chung tài khoản, đặt mật khẩu có độ phức tạp cần thiết, thường xuyên phải thay đổi mật khẩu sử dụng.

- Đối với việc quản lý, sử dụng máy tính và các trang thiết bị CNTT khác cần cài đặt các phần mềm có bản quyền, cài đặt và thường xuyên cập nhật phiên bản mới nhất, thường xuyên sử dụng phần mềm diệt virus để kiểm tra máy tính, cảnh giác và kiểm tra các tệp tin, các đường link gửi qua thư điện tử, từ tài khoản mạng không rõ nguồn gốc và tải trên mạng về trước khi kích hoạt, sử dụng; tắt chế độ tự động mở, chạy các tệp tin đính kèm theo thư điện tử, bật các tính năng của thiết bị tường lửa, thường xuyên sao lưu các dữ liệu cần thiết và các biện pháp kỹ thuật khác.

6. Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số

- Tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ và cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục đủ điều kiện trên môi trường điện tử.

- Xây dựng môi trường làm việc số (Digital Workplace) thống nhất, hướng tới xử lý hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường mạng.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong toàn ngành giáo dục, thực hiện các khoản thu dịch vụ giáo dục theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt và các giao dịch hành chính công.

- Thực hiện phổ cập tài khoản định danh điện tử VNeID mức độ 2 và chữ ký số cá nhân đối với đội ngũ nhà giáo và người học đủ điều kiện để thực hiện các giao dịch trên môi trường số.

- Đẩy mạnh ứng dụng hồ sơ số sách điện tử và các nền tảng dạy học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục để nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục cho nhân dân.

- Tiếp tục triển khai sử dụng các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc: Hệ thống hợp không giấy (ecabinet), Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng thông tin điện tử...

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Chi tiết theo phụ lục 1 và phụ lục 2 đính kèm.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; ngân sách tỉnh nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nguồn lực xã hội hóa, đầu tư tư nhân (PPP) và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

- Giao Phòng Công tác học sinh, sinh viên chủ trì, phối hợp với các phòng thuộc Sở tham mưu với Lãnh đạo Sở triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch; tổng hợp kết quả triển khai được gửi từ các đơn vị, báo cáo UBND tỉnh. Chủ trì, phối hợp các phòng có liên quan xây dựng dự toán kinh phí để triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch.

- Các phòng thuộc Sở căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao (tại Phụ lục 1, 2 đính kèm Kế hoạch) chủ trì, phối hợp với các phòng thuộc Sở tham mưu với Lãnh đạo Sở triển khai các nhiệm vụ được giao đảm bảo chỉ tiêu của Kế hoạch. Chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính, phòng Công tác học sinh, sinh viên xây dựng dự toán kinh phí để triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch. Tổng hợp và gửi kết quả triển khai nhiệm vụ được giao gửi về phòng Công tác học sinh, sinh viên.

- Giao Phòng Tài chính phối hợp với các phòng thuộc Sở tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch; phối hợp với các phòng thuộc Sở và các đơn vị có liên quan thẩm định các chủ trương đầu tư theo quy định.

2. Đề nghị UBND các xã, phường

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc triển khai Kế hoạch về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục của địa phương.

- Bố trí, đảm bảo các điều kiện, nguồn lực, kinh phí cho các cơ sở giáo dục trực thuộc để triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch.

- Thực hiện tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục trực thuộc gửi về Sở GDĐT trước ngày 20 tháng cuối quý và trước ngày 10/12 hằng năm qua địa chỉ biểu mẫu <https://forms.gle/7AFsQJFVgKgKMYe68>, đề Sở GDĐT tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo theo quy định.

3. Các cơ sở giáo dục trong tỉnh

- Xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số năm 2026 tại đơn vị. Trong đó cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ và phân công rõ cá nhân, đơn vị chủ trì gắn với mốc thời gian hoàn thành cụ thể. Thủ trưởng các cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm về tính hiệu quả, khả thi, tiến độ,... đối với các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị mình.

- Định kỳ hằng quý (trước ngày 15 tháng cuối quý), và hằng năm (trước ngày 05/12) báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về đơn vị quản lý trực tiếp (các trường THPT, trung tâm GDTX báo cáo về Sở GDĐT qua địa chỉ biểu mẫu <https://forms.gle/7AFsQJFVgKgKMYe68>; các trường Mầm non, tiểu học, THCS báo cáo về UBND các xã, phường theo yêu cầu của UBND các xã, phường).

Sở GDĐT yêu cầu các phòng thuộc Sở, đơn vị trực thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện. Đề nghị UBND các xã, phường chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở KHCN;
- Lãnh đạo Sở;
- UBND các xã, phường;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở;
- Các trường MN, TH, THCS;
- Lưu: VT, CTHSSV.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Dũng